

sống chung với chị M. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dạy cháu N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh C tự ý vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình số tiền 42.000.000 đồng, chị không biết sử dụng vào mục đích gì. Lúc anh C vay thì chị có ngăn cản anh C nhưng vẫn không ngăn được. Do đây là nợ riêng của anh C nên chị M không đồng ý chia đôi. Trong thời gian anh C đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh thì anh C có gửi tiền nhờ chị đi đóng lãi cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Thới Bình được vài lần.

Anh Trần Văn C trình bày:

Hôn nhân: Do chị M dẫn người đàn ông khác về nhà chung sống, anh đuổi ra khỏi nhà nên nhiều người tập trung lại đánh anh. Anh thống nhất yêu cầu ly hôn của chị M.

Con chung: Anh C đồng ý giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Y đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Có nhà ở của Nhà nước cho người dân tộc và có đất của người dựng cho nhưng anh không yêu cầu phân chia để lại cho con với điều kiện chị M phải chịu trách nhiệm về nợ cùng anh.

Nợ chung: anh và chị M có vay tiền của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình số tiền tổng cộng là 42.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng trong gia đình, xây dựng nhà ở của anh chị và xây dựng nhà vệ sinh. Khi ly hôn, anh C yêu cầu chia đôi anh và chị M mỗi người thanh toán ½.

Đại diện Ngân hàng C trình bày:

Anh C, chị M còn nợ Ngân hàng C số tiền 42.236.714 đồng, trong đó tiền vốn 42.000.000 đồng, tiền lãi 236.714 đồng, do anh C đại diện đứng vay. Đại diện ngân hàng yêu cầu sau khi ly hôn ai là người sinh sống thường xuyên sinh sống tại địa phương và quản lý tài sản như: Nhà, đất sản xuất... thì người đó có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Đại diện Ngân hàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị M và anh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị M yêu cầu nuôi dưỡng cháu N được anh C thống nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ: Chị M xác định không có nợ chung còn anh C thì xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng C số tiền 42.000.000 đồng. Đại diện Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình xác định anh C chị M còn nợ ngân hàng số tiền 42.236.714 đồng. Do Ngân hàng C yêu cầu sau ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu cầu ở giai đoạn xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngân hàng C có thể kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị M đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng C.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Trần Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Văn N, sinh ngày 19/01/2012 cho chị M nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không xem xét yêu cầu về nợ của Ngân hàng C tại vụ án này.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 08/7/2021 chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011701 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M, anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện Ngân hàng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn